

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG PHÂN HIỆU TẠI KON TUM
📖

BÀI TIỂU LUẬN

KINH TẾ NÔNG HỘ VỚI QUÁ TRÌNH
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN



Gvhd: Nguyễn Bá Trung
Sv : *NHÓM*
Lớp : K309TC

Kon Tum, ngày 29 tháng 11 năm 2011

BẢNG PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC

| Công việc | Thành viên |
|-------------------|--|
| Phần I, III | Nguyễn Việt Cường Phan Thị Cẩm Châu Ngô Thị Oanh Nguyễn Ngọc Mai Phương Phạm Thị Tuyết Nga |
| Phần II + số liệu | Nguyễn Thị Minh Hải Nguyễn Thị Thanh Thủy Lâm Thị Trúc Quyên Trương Thị Mỹ Hạnh |
| Tổng hợp | Cả nhóm |

I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Nông nghiệp nông thôn luôn là vấn đề trọng yếu của mỗi quốc gia, kể cả những nước đã đạt đến trình độ phát triển cao. Nó là khu vực sản xuất chủ yếu, đảm bảo việc làm và đời sống cho xã hội, là thị trường rộng lớn cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm của nền kinh tế, nguồn nhân lực và nguồn tích lũy cho công nghiệp hoá, phát triển kinh tế

Sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế nước ta đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Cơ chế mới đã tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là nền kinh tế nông nghiệp đã có những bước nhảy vượt bậc mà kinh tế hộ nông dân đóng vai trò quyết định.

Thực tế những năm qua cho thấy, với các chính sách và chế độ quản lý mới, hộ nông dân được xác định là đơn vị kinh tế tự chủ đã góp phần to lớn vào việc huy động các nguồn lực để phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế đất nước, kinh tế hộ nông dân cũng có sự phát triển nhanh chóng, chuyển từ sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá. Nhiều hộ nông dân với kinh nghiệm làm ăn giỏi, tích lũy được đất đai, vốn sản xuất đã mạnh dạn đầu tư, mở rộng sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và vươn lên làm giàu. Đồng thời khẳng định vị trí, đóng góp của mình trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Tuy nhiên, nền kinh tế nông hộ của nước ta so với các nước khác vẫn chưa phát huy hết tiềm lực vốn có của mình. Vì vậy, áp dụng công nghiệp hóa hiện đại hóa vào kinh tế nông hộ là một quy luật kinh tế phổ biến, là một tất yếu khách quan đối với các nước kinh tế lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội và là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Mục tiêu:

- Đánh giá thực trạng kinh tế nông hộ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta hiện nay
- Xác định các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đối với kinh tế hộ trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa
- Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của kinh tế nông hộ . Từ đó, đưa ra định hướng, giải pháp phù hợp với thực tế của nước ta hiện nay.

II. Thực trạng kinh tế nông hộ với quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong quá trình chuyển nền nông nghiệp từ tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá, khái quát quá trình phát triển như sau:

❖ Giai đoạn 1: Khi xã hội bắt đầu chuyển từ tình trạng tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá, các nông trại bắt đầu cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động. Nhưng trong bước đầu của quá trình công nghiệp hoá, lao động nông nghiệp vẫn tiếp tục tăng, quy mô nông trại giảm dần. Để giải quyết mâu thuẫn này nông dân phải tiếp tục đầu tư thêm lao động vào thâm canh, áp dụng kỹ thuật để thay thế đất đai còn hạn chế, tăng vụ, đa dạng hoá sản xuất, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp (bước đầu mới được coi là nghề phụ) để giải quyết việc làm tăng thu nhập.

❖ Giai đoạn 2: Khi công nghiệp và dịch vụ đã phát triển mạnh, có sức thu hút lao động cao hơn tốc độ tăng lao động ở nông thôn, quy mô nông trại có điều kiện mở rộng. Việc rút lao động ra khỏi nông nghiệp cho phép sử dụng kỹ thuật để thay thế lao động tức là cơ giới hoá nông nghiệp để tăng năng suất lao động. Trong giai đoạn này muốn tăng năng suất, các nông trại phải chuyển hướng sang chuyên môn hoá.

Nước ta hiện nay mới đang ở giai đoạn 1 của quá trình phát triển nông nghiệp từ tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá, hình thành các vùng chuyên canh tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản ở nông thôn, chủ yếu là đường giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống cấp điện, nước, thông tin liên lạc, áp dụng các thành tựu của cách mạng sinh học; phát triển công nghiệp (chủ yếu là công nghiệp chế biến nông, lâm sản; dệt may; vật liệu xây dựng; thủy tinh; sành sứ...) ngành nghề thủ công và dịch vụ

Tỉ trọng hàng hoá nông nghiệp còn thấp (khoảng 20%). Vào thập kỉ cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI nước ta bước dần vào thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế. Với đường lối đổi mới có khả năng giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, khai thác các tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế trong môi trường sản xuất hàng hoá, cạnh tranh phát triển có sự quản lý của Nhà nước, đặc biệt quan hệ ruộng đất trong nông nghiệp đã có điều kiện tham gia vào cơ chế thị trường. Lao động, đất đai cũng là yếu tố đầu vào của sản xuất hàng hoá, trong tương lai không xa, theo dự tính của nhiều chuyên gia, khoảng 1 đến 2 thập kỷ nữa, lao động trong nông nghiệp sẽ ngừng tăng và bắt đầu giảm xuống nếu công nghiệp phát triển mạnh, nước ta cũng sẽ có thể chuyển lên giai đoạn 2 với tốc độ không thua kém các nước công nghiệp mới ở Châu Á.

1. Tình hình phát triển kinh tế nông hộ hiện nay.

Hiện nay, ở nông thôn nước ta có khoảng 11 triệu hộ nông dân, phân bố trong 7 vùng nông nghiệp với khoảng 10000 đơn vị xã, thị trấn, 50000 thôn ấp, bản. Bình quân mỗi xã có 1000 hộ, mỗi thôn ấp có trên dưới 2000 hộ. Ở vùng trung du miền núi Bắc Bộ có 1.7 triệu hộ, vùng duyên hải miền Trung có 1.1 triệu hộ, vùng Tây Nguyên có 0.4 triệu hộ, miền Đông Nam Bộ có 0.8 triệu hộ và đồng bộ sông Cửu Long có 2.3 triệu hộ.

❖ Cơ cấu ngành nghề ở khu vực nông thôn có sự thay đổi nhanh theo hướng tích cực: Giảm số lượng và tỷ trọng nhóm hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản; tăng số lượng và tỷ trọng nhóm hộ công nghiệp và dịch vụ. Theo kết quả sơ bộ đến 1/7/2006, số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở nông thôn là 9,78 triệu hộ, giảm 0,79 triệu hộ (-7,5%), số hộ công nghiệp và dịch vụ là 3,4 triệu hộ, tăng 1,28 triệu hộ (+60%) so với năm 2001.

Chính vì vậy, so với năm 2001, tỷ trọng hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản khu vực nông thôn giảm từ 80,9% xuống còn 70,9%, tỷ trọng hộ công nghiệp và xây dựng tăng từ 5,8% lên 10%; tỷ trọng hộ dịch vụ từ 10,6% lên 14,8%.

- Sự chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn trên cả nước thời kỳ 2001-2006 diễn ra nhanh và rõ nét hơn so với các thời kỳ trước đây. Trong đó, vùng Đồng bằng sông Hồng chuyển dịch nhanh nhất (tỷ trọng hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ từ 17,8% năm 2001 lên 32,8% năm 2006, bình quân hàng năm tỷ trọng tăng 2,8%).

- Nhờ chuyển dịch nhanh về cơ cấu hộ theo hướng tích cực, nên đến năm 2006 đã có 4/8 vùng có tỷ trọng hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm trên 25% tổng số hộ nông thôn (năm 2001 chỉ có 1/8 vùng): Đông Nam Bộ (42,7%), Đồng bằng sông Hồng (32,8%), Duyên hải Nam Trung Bộ (25,7%), Đồng bằng sông Cửu Long (25%).

- ❖ Để tăng hiệu quả trên một đơn vị diện tích, nhiều địa phương thực hiện chuyển đổi những diện tích trồng cây kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, cơ cấu hộ trong nội bộ nhóm ngành nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản ở khu vực nông thôn tiếp tục có sự thay đổi theo hướng tỷ trọng hộ thủy sản tăng lên và tỷ trọng hộ nông nghiệp giảm đi tương ứng.

- Nếu như năm 2001 hộ thủy sản chỉ chiếm 4,2% trong nhóm hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, thì đến năm 2006 loại hộ này đã chiếm 6,2%. Đồng bằng sông Cửu Long vẫn là vùng có tốc độ tăng hộ thủy sản nhanh nhất, tỷ trọng hộ thủy sản so với tổng số hộ nông thôn ở vùng này năm 2001 là 9,8% đến năm 2006 đã lên tới 15,1%.

- Các vùng khác có tỷ trọng hộ thủy sản tăng khá là vùng Duyên hải Nam Trung Bộ từ 8,5% năm 2001 lên 10,7% năm 2006 và vùng Đồng bằng sông Hồng từ 1% lên 2,9% trong 5 năm tương ứng.

- ❖ Trình độ khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản từng bước được nâng cao áp dụng vào các hộ gia đình theo hướng sử dụng giống mới, công nghệ sinh học, phương thức canh tác tiên tiến để nâng cao năng suất chất lượng nông sản, thủy sản. Đến nay, có hơn 90% diện tích lúa, 80% diện tích ngô, 60% diện tích mía, 100% diện tích điều trồng mới... được sử dụng giống mới. Công nghệ sử dụng mô hom được đưa nhanh vào sản xuất giống cây rừng, nên năng suất chất lượng rừng được cải thiện

- ❖ Các hộ nuôi trồng thủy sản đã biết sản xuất và đưa vào sản xuất một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. Nhiều khâu trong sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa như: tưới nước, tuốt lúa, xay xát đạt hơn 80%, vận chuyển làm đất đạt hơn 60%. Trong ngành thủy sản, tổng công suất tàu thuyền đánh bắt đạt hơn 4 triệu sức ngựa, một số cơ sở nuôi trồng thủy sản được trang bị các máy móc, thiết bị bảo đảm cho công nghệ nuôi trồng tiên tiến.

- ❖ Được định hướng sản xuất hộ nông dân tập trung trồng cây công nghiệp, cây ăn quả có sự điều chỉnh mạnh theo nhu cầu thị trường để xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu, hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp bảo quản, chế biến. Diện tích, sản lượng cây công nghiệp tăng nhanh so với năm 2000, cao-su diện tích tăng 9,5%, sản lượng tăng 37,6%; hồ tiêu diện tích tăng 83,2%, sản lượng tăng 87,8%; hạt điều diện tích tăng 44,3%, sản lượng tăng 205,3%; chè diện tích tăng 35,3%, sản lượng tăng 54,9%; diện tích cây ăn quả tăng 1,4 lần; bông vải diện tích tăng 42,5%, sản lượng tăng 57,4%; đậu tương diện tích tăng 47,1%, sản lượng tăng 62,2%. Các loại

cây công nghiệp có lợi thế xuất khẩu hầu hết đều tăng về diện tích, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu.

2. Điểm mạnh của kinh tế hộ hiện nay.

❖ Hộ sản xuất có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường thúc đẩy sản xuất hàng hoá. Với quy mô nhỏ, bộ máy quản lý gọn nhẹ, năng động, hộ sản xuất có thể dễ dàng đáp ứng được những thay đổi của nhu cầu thị trường mà không sợ ảnh hưởng đến tổn kém về mặt chi phí. Như vậy với khả năng nhạy bén trước nhu cầu thị trường, hộ sản xuất đã góp phần đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng cao của thị trường tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển cao hơn.

❖ Hộ sản xuất được sự quan tâm, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước thông qua các chính sách khuyến khích như: hoạt động khuyến nông được tổ chức thành hệ thống, cố gắng phổ cập các tiến bộ kỹ thuật về giống cây, giống con, quy trình sản xuất mới đến hộ nông dân. Phong trào đưa cán bộ kỹ thuật và cán bộ tự nguyện về nông thôn giúp đỡ, hướng dẫn nông dân ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống đã có tác động tích cực vào việc tăng năng suất và nâng cao chất lượng nông phẩm hàng hoá. Vì thế mà hộ sản xuất không ngừng vươn lên tự khẳng định vị trí trên thị trường, tạo điều kiện cho thị trường phát triển đầy đủ, đa dạng thúc đẩy quá trình sản xuất hàng hoá.

❖ Ở các hộ nông thôn đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả kinh tế – xã hội cao hơn so với mức bình quân chung do tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tăng sản lượng lương thực, chủ động điều chỉnh cơ cấu kinh tế, hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, chuyên canh có quy mô lớn dựa trên cơ sở lựa chọn các loại giống cây trồng, vật nuôi phù hợp và kết hợp với công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, công nghệ sau thu hoạch theo những hình thức thích hợp. Gần đây, các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của nông dân về các công nghệ mới, sản phẩm mới, các quy trình sản xuất mới trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông.

❖ Hộ sản xuất thúc đẩy sự phân công lao động dần tới chuyên môn hoá, tạo khả năng hợp tác lao động trên cơ sở tự nguyện cùng có lợi. Kinh tế hộ đã từng bước tạo sự chuyển dịch cơ cấu nông thôn, củng cố quan hệ sản xuất, tăng cường lực lượng sản xuất tạo sự phân công lao động trong nông thôn từ nền sản xuất thuần nông lạc hậu, sản xuất hàng hoá kém phát triển sang sản xuất hàng hoá phát triển hơn.

Từ sự phân công lao động dẫn đến quá trình chuyên môn hoá trong các hộ sản xuất. Đối với các hộ kinh doanh dịch vụ thì sự chuyên môn hoá càng cao thì một yêu cầu tất yếu sẽ xuất hiện, đó là sự hợp tác lao động giữa các hộ sản xuất với nhau. Nếu như chuyên môn hoá làm cho năng xuất lao động tăng cao, chất lượng sản phẩm tốt hơn thì hợp tác hoá sẽ làm cho quá trình sản xuất hàng hoá được hoàn thiện đáp ứng đầy đủ nhu cầu của chính các hộ sản xuất và từ đó đáp ứng nhu cầu thị trường.

3. Những khó khăn trở ngại trong quá trình phát triển kinh tế nông hộ

Mặc dù kinh tế nông hộ ở nước ta được cơ chế mới tạo ra những tiền đề cơ bản về kinh tế, pháp lý cho sự phát triển. Tuy nhiên, sự phát triển của kinh tế nông hộ còn gặp không ít khó khăn, trở ngại cần được tháo gỡ.

❖ Phần đông các nông hộ vẫn đang là các hộ tiểu nông, trình độ tự cung tự cấp, quy mô canh tác nhỏ bé, sản xuất với mục tiêu đảm bảo an toàn lương thực là chủ yếu. Mặt khác, do dân số phát triển nhanh nên một số vùng đất chật người đông quy mô canh tác bình quân một hộ trong một số năm tới tiếp tục có nguy cơ giảm xuống, vì thế các nông hộ không yên tâm chuyển sang làm ngành nghề phi nông. Hiện nay, bình quân một hộ ở miền Bắc được giao cho 0.3-0.4 ha, ở Duyên hải miền Trung là 0.4-0.6 ha, ở đồng bằng sông Cửu Long là 0.6-1.5 ha. Đó là trở ngại lớn đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn nước ta hiện nay cũng như đối với quá trình chuyển sang phát triển sản xuất hàng hoá của kinh tế nông hộ.

❖ Tiềm lực về vốn, về cơ sở vật chất kỹ thuật của đa số nông hộ rất mỏng manh:

- Trên 50% số hộ thiếu vốn để sản xuất, nhất là các hộ nghèo thường thiếu cả vốn để tái sản xuất giản đơn đảm bảo cuộc sống hàng ngày.

- Phần lớn các hộ chỉ có công cụ sản xuất thô sơ, lạc hậu, trang bị kỹ thuật còn rất hạn chế. Bình quân 100 ha mới có 0.32 máy kéo; 5.56 máy bơm, làm đất bằng máy chỉ chiếm 20% diện tích canh tác, còn lại 60% diện tích là do sức vật kéo cày, 20% diện tích bằng sức ngựa.

❖ Tư tưởng tác phong của người tiểu nông còn rất nặng nề, thói quen sản xuất tự cấp tự túc, phân tán manh mún, quen lao động bằng kinh nghiệm, thụ động đã ăn sâu và nếp nghĩ, cách làm của số đông người nông dân. Họ bị hụt hẫng về kinh tế, lúng túng khi đưa ra sản phẩm ra thị trường, thiếu năng động quyết đoán. Trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật của người nông dân còn thấp: 9% lao động nông nghiệp mù chữ; 49.9% chưa đạt trình độ phổ thông cơ sở; 31.3% đạt trình độ phổ thông cơ sở; 6% đạt trình độ phổ thông trung học.

❖ Đa số HTX cũ không có khả năng đổi mới, không còn vốn quỹ, thậm chí còn nợ ngân hàng trăm triệu đồng, cán bộ quản lý yếu kém, thiếu năng lực tổ chức quản lý kinh doanh trong cơ chế mới nên chỉ còn tồn tại một cách hình thức và đang là lực cản đối với các nông hộ.

❖ Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất ở nhiều nơi yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hàng hoá. Cụ thể là:

- Về giao thông nông thôn nói chung phát triển chậm, chấp vá, hệ thống giao thông trên đồng ruộng chưa được chú ý xây dựng gây khó khăn vất vả trong canh tác, thu hoạch.

- Về thuỷ lợi: tuy Nhà nước đã có cố gắng đầu tư cho thuỷ lợi nhưng hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, có tới 30% diện tích lúa và 50% diện tích hoa màu cần tưới nước.

- Sản lượng điện cung ứng cho nông thôn mới chỉ bằng 2.4% tổng lượng điện dùng trong cả nước. Do tỉ lệ thất thoát quá lớn nên giá điện quá cao làm hạn chế việc sử dụng đồ điện của các hộ, nhất là điện cho sản xuất và chế biến nông sản.

- Thông tin liên lạc còn yếu, nhất là mạng lưới thông tin cấp xã, còn lạc hậu chưa phục vụ được đồng đảo các nông hộ.

❖ Thị trường giá cả nông sản không ổn định cũng gây bất lợi cho nông dân.

❖ Việc giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất tiến hành quá chậm, chưa thực hiện tốt việc quản lý đất đai của Nhà nước làm cho nông dân

thiếu an toàn đầu tư sản xuất. Tính đến nay, giá cả mới có 31% số nông hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mới chủ yếu là đất thổ cư.

❖ Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã có bước chuyển dịch tích cực theo hướng đẩy mạnh sản xuất các loại nông sản hàng hóa có nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao.

4. Nhận xét chung

Chủ trương, chính sách về giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho kinh tế hộ (đất nông nghiệp 20 năm, đất lâm nghiệp 50 năm) đã nhanh chóng đi vào cuộc sống của hàng triệu hộ nông dân. Và mặc dầu phong trào hợp tác xã không còn phát huy tính tích cực như xưa, nhưng diện mạo của kinh tế hộ nông dân Việt Nam đã thay đổi một cách cơ bản, nhất là ngày càng có nhiều đóng góp cho việc giải phóng sức sản xuất, nâng cao sản lượng nông nghiệp, mở mang ngành nghề mới, nâng cao thu nhập. Theo số liệu điều tra, trên 74,5% số hộ đã có từ 2 - 4 loại hình hoạt động sản xuất, kinh doanh để tạo thu nhập.

Cơ cấu hộ nông dân theo ngành nghề đang chuyển dịch theo hướng tăng dần số lượng và tỷ trọng nhóm các hộ tham gia sản xuất phi nông nghiệp, như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; số hộ làm nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 80,9% năm 2001 xuống còn 70,9% năm 2006.

Trong bản thân lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, số hộ sản xuất thuần túy nông nghiệp giảm dần, trong lúc số hộ tham gia sản xuất lâm nghiệp, thủy sản tăng lên. Tuy vậy, tính đến năm 2006, số lượng và tỷ trọng các hộ trong lĩnh vực thủy sản (chiếm 6,2%), lâm nghiệp (chiếm 0,3%) vẫn bị đánh giá là còn quá thấp, chưa tương xứng với tiềm năng thực tế.

Mặc dù có những chuyển dịch cơ cấu hộ nhanh ở nhiều vùng nhưng nhìn chung số lượng và tỷ trọng các loại hộ lâm nghiệp và thủy sản còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng về lâm nghiệp và thủy sản của nước ta. Những thay đổi về số lượng từng loại hộ đã làm cho cơ cấu trong nhóm hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản thay đổi theo hướng tỷ trọng hộ nông nghiệp giảm đi, tỷ trọng hộ lâm nghiệp và thủy sản tăng lên. Tỷ trọng hộ nông nghiệp từ 95,2% năm 2001 giảm xuống còn 93,1% năm 2006. Tỷ trọng hộ nông nghiệp giảm nhanh ở những vùng có điều kiện mở rộng sản xuất thủy sản, trong đó giảm nhanh nhất là vùng Đồng bằng sông Cửu Long (từ 89,8% xuống 84,4%), tiếp đến là Duyên hải Nam Trung Bộ (từ 90,2% xuống 88%), Đồng bằng sông Hồng (từ 98,9% xuống 97%). Các vùng Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Nguyên hầu như không có sự thay đổi về tỷ trọng hộ nông nghiệp. Tỷ trọng hộ lâm nghiệp có tăng nhưng không đáng kể (từ 0,2% năm 2001 lên 0,3% năm 2006). Tỷ trọng hộ thủy sản có tăng nhanh hơn (từ 4,6% năm 2001 lên 6,6% năm 2006) nhưng tính chung cả hai loại hộ lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2006 mới chiếm 6,9% so với tổng số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản cả nước – một tỷ trọng quá nhỏ so với tiềm năng và thế mạnh của hai ngành này.

Khoa học và công nghệ đã từng bước trở thành nhu cầu thiết thực của nông dân ở nhiều vùng nông thôn, nhất là ở các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Tuy nhiên, cho đến nay, năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam còn thấp. Cư dân nông thôn nói chung còn ít hiểu biết và còn rất thiếu thông tin về các loại giống mới, các quy trình công nghệ tiên tiến, về các nhu cầu đa dạng của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chưa đủ khả năng chủ động lựa chọn phương án sản xuất hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

Tiềm năng to lớn của khoa học và công nghệ đối với phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn chưa được phát huy đầy đủ. Việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn còn chậm, thiếu các giải pháp tạo động lực đối với việc chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất. Nhiều mô hình tốt về ứng dụng khoa học và công nghệ chưa được tổng kết kịp thời, chưa được tuyên truyền sâu rộng và còn thiếu các giải pháp phù hợp để giúp các đơn vị kinh tế quốc doanh trong nông nghiệp, các hợp tác xã, các trang trại và nhất là các hộ nông dân tiếp thu và nhân rộng. Lực lượng khoa học và công nghệ chưa được huy động tốt để phục vụ cho công cuộc phát triển nông nghiệp và nông thôn. Việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn chậm. Vì vậy, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của một số nông sản phẩm còn thấp.

Một động thái tích cực rất đáng được lưu ý của kinh tế hộ nông dân là sự xuất hiện ngày càng nhiều các hộ bứt phá khỏi tình trạng tự cung, tự cấp vươn lên sản xuất hàng hóa, trong đó phương thức trang trại gia đình phát triển mạnh và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trong bản thân kinh tế hộ trang trại cũng có sự phát triển về chất, xuất hiện nhiều nhu cầu đầu tư vốn lớn, thuê đất canh tác và lao động thường xuyên hoặc theo thời vụ, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu cây, con theo hướng đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu thị trường. Chẳng hạn, trang trại chăn nuôi tăng rất nhanh, bên cạnh số trang trại sản xuất cây hàng năm và cây lâu năm cũng có sự phát triển về số lượng và chất lượng. Lượng hàng hóa nông sản của các trang trại đang ngày càng có vị trí trên thương trường. Một số các trang trại lớn đã bắt đầu phát triển thương hiệu, mở rộng các quan hệ làm ăn với các công ty lớn trong chế biến, thu mua và xuất khẩu.

Khi nhắc tới những thành tựu chung của kinh tế đất nước như giữ được vị thứ thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo (tính đến năm 2007), đứng đầu về xuất khẩu cà phê rô-busta và hạt tiêu, một trong 10 nước hàng đầu về thủy sản..., thì phải nói, kinh tế hộ nông nghiệp trong nông thôn đã đóng vai trò chính trong việc tạo ra lượng hàng hóa lớn để phục vụ xuất khẩu. Trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng, đã có 5 mặt hàng đã đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỉ USD: thủy sản (3,8 tỉ USD), gỗ (2,4 tỉ USD), cà phê (1,86 tỉ USD), gạo (1,46 tỉ USD), cao su (1,4 tỉ USD).

III . MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG HỘ NƯỚC TA THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ – HIỆN ĐẠI HOÁ:

Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường thì kinh tế hộ đồng thời cũng được tiếp thu cơ giới hóa, điện khí hóa và tin học hóa, chuyển dần từ tiểu nông tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa trên cơ sở tích tụ đất đai, tiến tới kinh tế trang trại hộ gia đình. Nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa tức là phải có trên 60% số hộ nông dân sản xuất hàng hóa và tỷ xuất hàng hóa của các hộ này phải trên 75% tổng khối lượng sản phẩm. Để sản xuất nông nghiệp nước ta trở thành nền sản xuất hàng hóa, cần có các giải pháp đẩy mạnh sự phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế hộ.

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để kinh tế nông hộ thực sự trở thành đơn vị kinh tế tự chủ:

1.1. Về ruộng đất:

- Cần nhanh chóng thể chế hoá các quyền năng và nghĩa vụ của người sử dụng đất (các hộ), đặc biệt là luật về chuyển nhượng, thuế chuyển nhượng đất đai cần được công bố sớm và thực thi một cách nghiêm túc.

- Thực hiện nghiêm túc luật đất đai mới, ngoài phần đất công ích không để quá 5%, số đất còn lại sớm giao quyền sử dụng ổn định, lâu dài cho các hộ một lần, với đầy đủ các quyền theo luật định (quyền sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho thuê, thế chấp).

- Để tránh những xung đột, mâu thuẫn trong việc giao ruộng đất, các địa phương cần tổ chức việc giao ruộng cho các hộ theo đúng nguyên tắc công khai, dân chủ, công bằng.

- Trên cơ sở phân loại giá trị sử dụng của từng loại đất, xác định hệ số quy đổi đất tốt xấu, khuyến khích nông hộ nhận ruộng liền mảnh, tự thoả thuận chuyển đổi cho nhau.

- Nhà nước cần nghiên cứu để xây dựng khung giá đất hợp lý, nhất là giá đất ở các vùng đang phát triển công nghiệp, đô thị, nghiên cứu mức thuế đánh vào giá trị gia tăng của đất, từng bước phát triển thị trường ruộng đất ở nông thôn.

- Bên cạnh chính sách hạn điền cụ thể đối với từng loại đất, từng loại cây trồng, từng vùng, cần có chính sách và giải pháp khác nhằm ngăn chặn đầu cơ đất đai.

- Cần có chính sách sử dụng đất đai hợp lý để một mặt bảo đảm an toàn lương thực quốc gia, mặt khác khuyến khích các hộ đa dạng hoá phương thức sử dụng đất đai theo hướng nâng cao giá trị sản lượng thu nhập trên một đơn vị canh tác.

- Cần có sự kiểm tra, kiểm sát chặt chẽ việc chấp hành luật đất đai. Những hành vi phạm luật, vi phạm lợi ích của người sử dụng đất, tham nhũng đất đai đặc biệt là đất xây dựng cần phải được xử lý nghiêm minh.

1.2. Về định hướng, quy hoạch phát triển hàng hóa

- Nhà nước cần có biện pháp cụ thể, hỗ trợ có hiệu quả về giống cây trồng, vật nuôi và thị trường tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo ổn định, tránh gây thiệt hại cho hộ nông dân. Cần có chiến lược và chính sách thị trường và thương mại nông sản hàng hóa.

- Phát triển thị trường nông thôn (nông sản, vật tư, lao động, tín dụng, tư liệu sinh hoạt). Các doanh nghiệp quốc doanh giữ vai trò bình ổn giá cả, khuyến khích các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho hộ nông dân trực tiếp buôn bán với các đối tác.

1.3. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức hợp tác ở nông thôn: Hiện nay, có hộ nông dân rất cần đến hợp tác xã, bởi vì:

- Họ vừa trải qua nhiều năm trong cơ chế quan liêu bao cấp, mọi lo toan về tổ chức sản xuất, tổ chức các khâu đầu ra vào của cả quá trình trước đây là nhiệm vụ của HTX, nếu không có HTX, các nông hộ sẽ rất lúng túng trong việc tổ chức khâu dịch vụ.

- Ở những vùng, những hộ đã đi vào sản xuất hàng hoá với những trình độ khác nhau, yêu cầu về dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm càng cao. Nếu không có HTX sẽ hạn chế sản xuất phát triển.

- Để đảm bảo cho sản xuất của các nông hộ phát triển bình thường, hiện nay các HTX cũ theo mô hình tập thể hoá không còn cơ sở kinh tế để tồn tại như cũ nữa, đối với những HTX chỉ còn là hình thức, các địa phương cần sớm giải quyết triệt để.

- Nhà nước ban hành luật HTX và các quy định dưới luật, trước mắt là các quy định đổi mới HTX nông nghiệp đã xây dựng trước đây và phát triển các hình thức hợp tác mới.

- Tùy điều kiện từng địa phương, Nhà nước cần có sự khuyến khích, hướng dẫn để các hình thức hợp tác mới nhanh chóng ra đời và phát huy tác dụng trong sản xuất. Theo chúng tôi cần có sự chú ý tác động đến việc phát triển các hình thức hợp tác, tùy theo điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương mà có các hình thức hợp tác cho phù hợp.

1.4. Nâng cao năng lực làm chủ cho các nông hộ:

- Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ giáo viên các trường phổ thông ở nông thôn, giảm chi phí đóng góp của học sinh, khuyến khích con em nông dân đến trường.

- Đổi mới và bổ sung kiến thức về kinh tế nông nghiệp kỹ thuật nông nghiệp cho phù hợp với cơ chế mới và đưa vào giảng dạy rộng rãi trong các trường phổ thông.

- Đổi mới nội dung đào tạo, cập nhật những kiến thức mới phù hợp với điều kiện hiện nay.

- Tổ chức tốt hệ thống khuyến nông từ trung ương đến địa phương, cơ sở, khuyến khích các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật nông nghiệp chuyên giao tiến bộ kỹ thuật cho các nông hộ nhằm đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao trình độ canh tác, hiện đại hoá từng bước sản xuất nông nghiệp.

1.5. Đưa KH&CN đến từng hộ gia đình

- Các cơ quan nghiên cứu về KH&CN nông – lâm nghiệp vùng có trách nhiệm giúp địa phương quy hoạch sản xuất nông lâm nghiệp ngắn và dài hạn. Có các chương trình nghiên cứu và ứng dụng KH&CN cho mỗi địa phương cụ thể, với mục đích phục vụ hộ nông dân.

- Xây dựng và củng cố hệ thống khuyến nông để giúp nông dân về giống, phân bón, thuốc trừ sâu, kỹ thuật canh tác. Gắn trách nhiệm vật chất giữa khuyến nông với kết quả sản xuất của mỗi hộ gia đình cụ thể.

- Tổ chức liên kết, liên doanh giữa các nhà khoa học, tổ chức khoa học với hộ nông dân trong việc chuyển giao ứng dụng KH&CN vào sản xuất.

2. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn:

- Về thủy lợi: Việt Nam là 1 nước sản xuất lúa nước như nhiều nước ở Châu Á, vì thế khâu thủy lợi phải được coi trọng, cải thiện hệ thống tưới tiêu nước để đảm bảo khắc phục nhanh chóng những hậu quả do thiên tai úng lụt, hạn hán gây ra cũng như chủ động tưới tiêu trong nông nghiệp. Vì thế, biện pháp công bằng và có hiệu quả hơn cả là nên để nông dân gánh một phần chi phí khai thác và bảo dưỡng, còn xây dựng cơ bản do nông nghiệp đầu tư coi như 1 khoản kinh phí hỗ trợ cho nông nghiệp phát triển.

- Về giao thông: những nơi sản xuất hàng hoá phát triển phần nhiều là những khu vực thuận lợi giao thông, gần các trục đường lớn, có thị trấn thị tứ. Có những vùng có tiềm lực phát triển lớn, nhưng do thuận lợi về giao thông nên sản phẩm làm ra rất khó tiêu

thụ. Bởi vậy, Nhà nước cần có sự đầu tư kịp thời vào xây dựng các trục đường giao thông lớn, có thể phân cấp cho các địa phương xây dựng các tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã bằng huy động vốn và lao động của nông dân, còn tuyến liên huyện, liên tỉnh phải do Nhà nước đầu tư xây dựng quản lý. Giao thông thuận lợi sẽ là điều kiện cơ bản để gắn sản xuất với lưu thông, tiêu dùng, để cho sản xuất hàng hoá phát triển.

- Về điện: muốn hiện đại hoá nông nghiệp, phát triển công nghiệp nông thôn, nông thôn phải có điện. Ngành điện cần nhanh chóng có biện pháp quản lý tốt việc cung cấp điện cho nông thôn, để cho giá bán điện cho nông dân không quá cao so với thành thị như hiện nay.

- Ngoài ra vấn đề đầu tư cho thông tin, liên lạc, văn hoá giáo dục, y tế đều rất cần thiết cho nông thôn sớm thoát khỏi tình trạng lạc hậu, tiến gần đến văn minh hiện đại.

3. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:

- Nhà nước cần đầu tư và hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, trước hết là vào giao thông, điện để tăng khả năng giao lưu giữa các vùng, các miền của đất nước, tránh tình trạng hàng nông sản thừa giá tạo ở vùng này, khan hiếm ở vùng kia.

- Nhà nước có chính sách bảo hộ những hàng hoá nông sản chủ yếu trước hết là lương thực và một số cây công nghiệp xuất khẩu quan trọng như chè, cao su, cà phê...

- Tổ chức tốt hệ thống thông tin thị trường giá cả trong và ngoài nước cho người sản xuất, đặc biệt là thông tin về chất lượng sản phẩm để kịp thời đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Để nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản có đủ sức cạnh tranh trên thị trường, nhất là thị trường quốc tế, cần phải tổ chức ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp cho các hộ nông dân.

- Trong điều kiện thị trường có sự tham gia của các thành phần kinh tế, Nhà nước cần tổ chức quản lý chặt chẽ hệ thống thu mua và lưu thông nông sản, tăng cường các tổ chức thương nghiệp quốc doanh để chống các hiện tượng tiêu cực ép cấp, ép giá của tư thương gây thiệt hại cho người nông dân.

4. Phát triển hệ thống tín dụng nông thôn:

- Nhà nước cần cân đối các nguồn vốn đầu tư thích đáng cho nông nghiệp. So với sự đóng góp của kinh tế nông nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân thì đầu tư cho nông nghiệp nhiều năm nay còn quá thấp (11-14% vốn đầu tư ngân sách của Nhà nước). (chưa kể mức lạm phát như hiện nay). Vốn đầu tư ngân sách chủ yếu cho xây dựng cơ sở hạ tầng phải thiết thực, chất lượng để người nông dân được thụ hưởng.

- Cần có chính sách thu hút đầu tư của nước ngoài, bởi đây là khu vực kém hấp dẫn đầu tư, đến nay nông nghiệp nước ta chỉ thu hút khoảng từ 3-5 % vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

- Tạo lập quan hệ hợp tác, liên kết, liên doanh: Hộ nông dân – Nhà đầu tư – Nhà khoa học – Doanh nghiệp – Nhà nước

5. Thực hiện chính sách xã hội kết hợp với chính sách kinh tế nhằm tạo ra bước chuyển biến căn bản trong đời sống kinh tế xã hội nông thôn:

Lối thoát đối với nông nghiệp và cả nền kinh tế nói chung là phải nhanh chóng giảm bớt số lao động trong nông nghiệp. Cùng với các chính sách kinh tế như chính sách

ruộng đất, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nên thực hiện tốt các chính sách xã hội như giảm mức tăng dân số, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo sẽ góp phần rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội nông thôn.

6. Đào tạo tay nghề cho người lao động

Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, việc cấp bách hiện nay là nâng cao chất lượng lao động ngay trong hộ gia đình, thông qua các trung tâm đào tạo nghề, các cơ sở khoa học, trung tâm khuyến nông. Nhà nước đã có chủ trương đào tạo hàng năm cho nông dân. Vấn đề đặt ra là đào tạo cho nông dân những gì mà họ cần để phát triển kinh tế ngay trên mảnh đất của họ, nên ngành nghề đào tạo, kỹ thuật cần được xác định cụ thể phù hợp cho từng vùng. Trong những năm tới cố gắng phấn đấu đạt mức 30% lao động nông thôn được đào tạo nghề (hiện nay mới chỉ 9%).

IV. KẾT LUẬN

Với các tài liệu lịch sử, tài liệu tham khảo về nhiều vùng miền, nhiều mặt của kinh tế hộ nông dân. Trong khuôn khổ đề tài, tiểu luận đã:

1. Tổng hợp và phân tích một số vấn đề cơ sở lý luận về khái niệm hộ, kinh tế nông hộ và sự tồn tại khách quan của nó trong nông nghiệp.

2. Phân tích đặc điểm phát triển kinh tế nông hộ qua các thời kỳ lịch sử, từ đó nêu ra một số vấn đề rút ra từ thực tiễn.

3. Tiểu luận cũng nêu được xu hướng phát triển của kinh tế nông hộ và đưa ra một số giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế nông hộ nước ta. Phát triển kinh tế nông hộ là đòi hỏi khách quan của nền sản xuất nông nghiệp cũng như của quá trình phát triển kinh tế – xã hội đất nước. Các hộ nông dân là những đơn vị kinh tế đồng thời cũng là đơn vị xã hội, bởi vậy phát triển nông hộ không chỉ góp phần tăng trưởng kinh tế mà còn tạo lập sự ổn định chính trị – xã hội ở nông thôn. Đồng thời sự phát triển kinh tế nông hộ là một động lực để thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp – nông thôn nói riêng và nền kinh tế của đất nước nói chung.